

Số: 133/TB-BV

Cà Mau, ngày 26 tháng 10 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Y Dược cổ truyền- PHCN tỉnh Cà Mau có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Mua sắm thiết bị y tế (hoá chất, vật tư y tế...) giai đoạn 2027- 2028, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y Dược cổ truyền- PHCN
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Võ Duy Vũ
 - Chức vụ: Trưởng khoa Dược- VT- TTBYT
 - Số điện thoại: 0983 389091
 - Địa chỉ: Khoa Dược- VT- TTBYT, Bệnh viện Y Dược cổ truyền- PHCN; Đường Nguyễn Cư Trinh, Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau.
- Hình thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp; Email/Zalo; Nhận báo giá trên hệ thống.
 - Với những báo giá không gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà thầu có thể gửi qua đơn vị chuyển phát hoặc gửi trực tiếp tại Khoa Dược- VT- TTBYT; Bệnh viện Y Dược cổ truyền- PHCN tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Đường Nguyễn Cư Trinh, Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau; gồm **01 bản chính kèm file** với đầy đủ nội dung theo biểu mẫu bằng hình thức phù hợp (zalo/email/USB...).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 13 giờ ngày 26/10/2026 đến hết ngày 07/11/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 120 ngày** kể từ ngày 07/11/2026

6. Thông báo Yêu cầu báo giá được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia và trang thông tin điện tử của bệnh viện Y Dược cổ truyền- PHCN tỉnh Cà Mau (<https://bvydctphcnca mau.com/>).

II. Nội dung của yêu cầu báo giá:

1. Danh mục báo giá thiết bị y tế: Phụ lục kèm theo. Đối với các gói thầu áp dụng hình thức đặt máy, mượn máy; nhà thầu tự tính toán các chi phí phát sinh kèm theo trong quá trình thực hiện hợp đồng, bao gồm: hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm, linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế, bảo trì bảo dưỡng...

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Bệnh viện Y Dược cổ truyền- PHCN; Đường Nguyễn Cư Trinh, Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau.

3. Thời gian thanh toán dự kiến: Tối đa 90 ngày; kể từ ngày nhà thầu lắp đặt, bàn giao, nghiệm thu hàng hoá và cung cấp đầy đủ các chứng từ theo quy định.

4. Các thông tin khác:

- Đơn vị cung cấp báo giá có đầy đủ thông tin của hàng hóa; cung cấp các căn cứ xác định giá, kết quả trúng thầu trong thời hạn 12 tháng (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan.

- Đơn giá được tính bằng VNĐ, đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định hiện hành, chi phí vận chuyển, giao nhận, lắp đặt, bảo hành...

Bệnh viện Y Dược cổ truyền- PHCN trân trọng thông báo /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng KHTH (đăng website);
- Lưu: VT, KD, HSMS.

**GIÁM ĐỐC**
Huỳnh Thị Kim Liên

PHỤC LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA HÀNG HOÁ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo thông báo số 133/TB-BV ngày 26/10/2026)

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến
I. Gói thầu dụng cụ y tế, vật tư y tế				
1	Băng cá nhân	Chất liệu vải sợi đàn hồi viscose và polyamide không thấm nước, màu da, trọng lượng $97 \pm 7\text{g/m}^2$; Keo oxide kẽm không dùng dung môi. Lớp thấm hút sợi Viscose, khả năng thấm hút > 500%. Lớp chống dính Polyethylene. Kích thước khoảng 20mm x 60mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Miếng	10.000
2	Băng cá nhân dạng tròn	Băng dán vô trùng hình tròn, không thấm nước, thoáng khí; đường kính khoảng 2,2cm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Miếng	10.000
3	Băng keo chỉ thị nhiệt	Lớp keo có độ dính cao, các vạch chỉ thị chuyển màu rõ rệt và chính xác từ vàng sang đen. Kích thước khoảng 19mm x 50mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cuộn	30
4	Băng keo có gạc vô trùng	Nền băng Polyester đan không dệt, kích thước khoảng 9cm x 15cm. Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Tiết trùng từng miếng bằng E.O Gas. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Miếng	500
5	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Chất liệu vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate; Nguyên liệu xuất xứ G7 (có tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT). Keo oxide kẽm không dùng dung môi. Lực dính khoảng 1,8-5,5 N/cm, trọng lượng 50-60 g/m ² . Kích thước 2,5cm x 5m; Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương, tối thiểu 02 CFS. Xuất xứ Châu Á.	Cuộn	1.000
6	Băng thun y tế (loại 3 móc)	Chất liệu từ sợi polyester và cao su thiên nhiên; thoáng mát, không gây kích ứng; Độ co giãn cao, từ 180% đến 200% so với kích thước ban đầu; Loại 3 móc cố định, kích thước khoảng 7.5cm x 3m. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cuộn	200
7	Bơm tiêm dùng một lần 10ml/cc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 10ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Cái	1.000
8	Bơm tiêm dùng một lần 1ml/cc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 1ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Cái	50.000
9	Bơm tiêm dùng một lần 20ml/cc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích 20ml, trong suốt. Bề mặt gioăng phẳng phù hợp dùng cho máy tiêm điện. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh, cỡ 23G. Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Cái	1.000

10	Bơm tiêm dùng một lần 3ml/cc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 3ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Cái	20.000
11	Bơm tiêm dùng một lần 50ml/cc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích 50ml, trong suốt; ốc xy lạnh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim. Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không chứa chất gây sốt, không DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Cái	1.000
12	Bơm tiêm dùng một lần 5ml/cc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 5ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Cái	150.000
13	Bông viên vô trùng	Bông y tế vô trùng, chất liệu bông xơ tự nhiên, được tạo thành từng viên bông có kích thước và trọng lượng đồng đều, khả năng thấm hút cao; tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói 50g. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Gói	20.000
14	Chỉ khâu tự tiêu (Chromic Catgut) số 4/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tự nhiên đơn sợi, tan chậm, số 4/0, dài 75cm. Chất liệu collagen tinh khiết, màu nâu. Kim tròn 1/2c dài khoảng 26mm, bằng thép không gỉ (302) phủ silicon. Vô trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, USP hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu/ Châu Á.	Tép	2.400
15	Cồn 70 độ	Thành phần chính ethanol 70%, dùng sát trùng dụng cụ, sát trùng da trước khi tiêm, sát trùng vết thương. Xuất xứ Việt Nam.	Lít	1.500
16	Dây garo lấy máu có khóa	Chất liệu từ cao su y tế, co giãn tốt, không gây kích ứng da; chiều dài khoảng 45cm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Sợi	200
17	Dây hút đàm, nhớt các cỡ	Chất liệu nhựa y tế, không gây độc hại, có độ bền, dẻo cao; không chứa chất DEHP. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Sợi	500
18	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	Chất liệu PVC nguyên sinh tráng silicon, bao gồm dây và gọng mũi, ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn; không chứa chất DEHP. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Bộ	1.000
19	Dây truyền dịch 20 giọt	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 150 cm, dung tích 20ml. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Bộ	20.000
20	Gạc y tế vô trùng 12 lớp	Chất liệu sợi cotton 100%, đã tiệt trùng; kích thước 5 x 6.5cm x 12 lớp. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Gói 10 miếng	2.000
21	Găng tay vô trùng các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên; chiều dài khoảng 280mm, có bột. Tiệt trùng bằng E.O, sử dụng 1 lần. Hộp 50 đôi. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Đôi	15.000
22	Găng tay y tế, các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên; chiều dài khoảng 240mm, có bột, không tiệt trùng, sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Đôi	260.000

23	Khóa 3 ngã có dây (dây ba chạc)	Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh, mềm dẻo, trong suốt; gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn, khóa luer-lock; dây nối dài 10cm hoặc 25cm, không chứa độc tố. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cái	500
24	Kim lấy máu thử đường huyết (dạng đầu xoay)	Chất liệu thép không gỉ, vô trùng; đầu kim vát ba cạnh, thân bằng nhựa, thích hợp các loại bút lấy máu, cỡ 28-30G. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cây	10.000
25	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Chất liệu thép không gỉ, sắc bén, phủ silicon; Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 2 đường cản quang, 3 mặt vát. Tiệt trùng khí EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cây	50.000
26	Kim tiêm rời các cỡ	Chất liệu thép không gỉ, không bị cong; đầu kim sắc nhọn, không có gờ, có nắp chụp bảo vệ; Các cỡ 18-25G. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam.	Cây	200.000
27	Mặt nạ khí dung người lớn, trẻ em	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Bao gồm bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$, lòng ống có khóa chống gập; tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Bộ	1.000
28	Máy đo huyết áp cơ (người lớn)	Khoảng đo từ 0 đến 300mmHg. Đồng hồ đo có kim định vị ở mức số không (0). Độ chính xác $\pm 3\text{mmHg}$. Vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi cao su bên trong, quả bóp cao su có van điều chỉnh. Tiêu chuẩn EU, ISO hoặc tương đương.	Bộ	40
29	Máy đo huyết áp điện tử (người lớn)	Máy đo huyết áp bắp tay; Dải đo huyết áp khoảng 20- 280 mmHg ($\pm 3\text{mmHg}$); Nhịp tim khoảng 40 - 200 nhịp/phút ($\pm 5\%$). Tiêu chuẩn EU, ISO hoặc tương đương.	Bộ	20
30	Máy đo SpO2	Máy đo nồng độ bão hoà oxy trong máu và nhịp tim, dạng kẹp đầu ngón tay. Thông số SpO2: 70-100% ($\pm 2\%$), nhịp tim: 30-250bpm ($\pm 2\text{bpm}$). Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	40
31	Nhiệt kế hồng ngoại điện tử	Màn hình LCD; khoảng đo 0- 100 độ C, độ chính xác $\pm 0,2^{\circ}\text{C}$; Bảo hành ≥ 24 tháng. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Cái	20
32	Nhiệt kế thủy ngân	Chất liệu thủy tinh cao cấp, không chứa BPA; kích thước nhỏ gọn, đầu đo hình tròn; khoảng đo 35- 42 độ C. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Cái	100
33	Ống đặt nội khí quản mềm các cỡ	Chất liệu silicone thích ứng nhiệt, tái sử dụng nhiều lần; tiệt trùng, có bóng chèn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cái	100
34	Ống thông hậu môn các cỡ	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh; dây dẫn dài 400mm, mềm, không gây tổn thương cho người sử dụng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	200
35	Ống thông tiểu 1 nhánh các cỡ (Nelaton)	Chất liệu cao su tự nhiên. Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	500
36	Ống thông tiểu 2 nhánh các cỡ (Foley)	Chất liệu Latex y tế, phủ silicone, có van. Có mã màu để xác định kích thước. Tiệt trùng, sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	1.500

37	Sonde dạ dày các cỡ (Dây cho ăn)	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn, giảm tổn thương niêm mạc. Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	1.000
38	Túi chườm nóng, lạnh	Chất liệu Polyester Fiber và PVC; Thời gian giữ nhiệt từ 20- 45 phút; Trọng lượng khoảng 80g. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	20
39	Túi đựng nước tiểu có dây treo	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch dung tích mỗi 100ml. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Cái	1.500
40	Đầu col trắng	Chất liệu nhựa PP trung tính, chuyên dụng cho y tế thích hợp với các loại micropipete. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cái	60.000
41	Đầu col vàng	Chất liệu nhựa PP trung tính, chuyên dụng cho y tế thích hợp với các loại micropipete. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cái	40.000
42	Đầu col xanh	Chất liệu nhựa PP trung tính, chuyên dụng cho y tế thích hợp với các loại micropipete. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cái	25.000
43	Gel điện tim và siêu âm	Gel dạng sệt, trong suốt, từ không màu đến vàng nhạt, không chứa dầu, không chứa muối và Formandehyde. Không gây kích ứng da, không ăn mòn điện cực, đầu dò. Không chứa Staphylococcus aureus, Candida albicans, Pseudomonas aeruginosa. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Chai 500ml	50
44	Gel siêu âm	Gel dạng sệt, trong suốt, từ không màu đến vàng nhạt, không chứa dầu, không chứa muối và Formandehyde. Không gây kích ứng da, không ăn mòn điện cực, đầu dò. Không chứa Staphylococcus aureus, Candida albicans, Pseudomonas aeruginosa; đóng gói can 5 lít. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Can 5l	100
45	Giấy điện tim	Giấy in nhiệt kích thước 110mm x 25m, có chia vạch; phù hợp cho máy điện tim 6 kênh Kalamed KES-601T. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Cuộn	1.200
46	Ống nghiệm EDTA	Chất liệu nhựa y tế PP; kích thước khoảng 12x75mm, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2). Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c.). Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	25.000
47	Ống nghiệm Glucose 2ml	Chất liệu nhựa PET hoặc PP trung tính, nhãn và nắp màu xám, chứa hóa chất kháng đông Heparin và NaF; kích thước khoảng 13 x 75mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	25.000
48	Ống nghiệm Heparin	Chất liệu nhựa y tế PP; kích thước khoảng 12x75mm, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ...trừ Li ⁺), khí máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	25.000
49	Ống nghiệm PS 5ml có nắp đậy trắng, không nhãn	Chất liệu nhựa PS; kích thước khoảng 12x75mm. Dùng phân tích, chứa mẫu nước tiểu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/ Việt Nam.	Ống	150.000

50	Test xét nghiệm đường huyết mao mạch	Test thử đường huyết nhanh, độ nhạy $\geq 99\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á. Nhà thầu trúng thầu cam kết cung cấp tối thiểu 10 máy đo đường huyết mao mạch phù hợp với que test.	Test	15.000
51	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần (0,30x13)mm	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng đồng dẫn điện tốt; kích thước (0,30x13)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	50.000
52	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần (0,30x25)mm	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng đồng dẫn điện tốt; kích thước (0,30x25)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	1.700.000
53	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần (0,30x30)mm	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng đồng dẫn điện tốt; kích thước (0,30x30)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	1.200.000
54	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần (0,30x40)mm	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng đồng dẫn điện tốt; kích thước (0,30x40)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	1.700.000
55	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần (0,30x75)mm	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng đồng dẫn điện tốt; kích thước (0,30x75)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	400.000
56	Kim châm cứu vô trùng (trường châm) (0,35x100)mm	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng đồng dẫn điện tốt; kích thước (0,35x100)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	15.000
57	Kim châm cứu vô trùng (nhĩ châm) (0,18x15)mm	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng thép dẫn điện tốt; kích thước (0,18x15)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	40.000
58	Kim đẩy chỉ vô trùng dùng 01 lần các cỡ	Thân kim được làm từ thép chuyên dụng không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Cán kim được quấn bằng đồng dẫn điện tốt; kích thước (0.30x33)mm; (0.30x45)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	60.000
59	Kim châm cứu nhĩ hoàn	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần, chất liệu thép không gỉ được mài bóng, khử trùng và đóng gói khép kín; Kích thước (0.22x1.5)mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Cây	1.000

II. Gói thầu áp dụng hình thức đặt máy/ mượn máy xét nghiệm sinh hoá

60	Hoá chất định lượng Acid Uric	Hoá chất, dạng lỏng, sẵn sàng để sử dụng. Đóng gói dạng lọ (chai). Sử dụng để định lượng Uric Acid trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	3.500
61	Hoá chất định lượng Albumin	Hoá chất dạng lỏng, sẵn sàng để sử dụng. Đóng gói dạng lọ (chai). Định lượng Albumin trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	2.500
62	Hoá chất đo hoạt độ ALT (GPT)	Hoá chất dạng lỏng, sẵn sàng để sử dụng. Đóng gói dạng lọ (chai). Định lượng GPT/ALT trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	2.500

63	Hoá chất đo hoạt độ AST (GOT)	Hoá chất dạng lỏng, sẵn sàng để sử dụng. Đóng gói dạng lọ (chai). Định lượng GOT/AST trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	2.500
64	Hoá chất định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng Cholesterol trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	10.000
65	Hoá chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng HDL-C trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	10.000
66	Hoá chất định lượng LDL- C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng LDL- C trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	5.000
67	Hoá chất định lượng Triglycerid	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng Triglycerid trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	10.000
68	Hoá chất định lượng Creatinin	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng Creatinin/máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	10.000
69	Hoá chất định lượng Glucose	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng Glucose/máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	15.000
70	Hoá chất đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng GGT/máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	2.500
71	Hoá chất định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng Protein toàn phần trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	2.500
72	Hoá chất định lượng Urê máu	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng Urê/máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	5.000
73	Hoá chất định lượng Calci toàn phần	Hóa chất dạng lỏng sử dụng cho máy sinh hóa tự động. Định lượng Calci toàn phần trong máu. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	2.500
74	Hóa chất hiệu chuẩn Multical (Calibrator)	Hóa chất hiệu chuẩn máy sử dụng cho nhiều test khác nhau. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	300
75	Hóa chất nội kiểm mức thường	Hóa chất thực hiện nội kiểm xét nghiệm sinh hoá. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	600
76	Hóa chất nội kiểm mức cao	Hóa chất thực hiện nội kiểm xét nghiệm sinh hoá. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	600
II. Gói đầu áp dụng hình thức đặt máy, mượn máy xét nghiệm huyết học				
77	Dung dịch ly giải hồng cầu	Hóa chất ly giải tế bào dạng lỏng sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	36.000

78	Dung dịch pha loãng diluent	Hóa chất pha loãng dạng lỏng sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	1.400.000
79	Dung dịch rửa/làm sạch hệ thống	Hóa chất rửa máy huyết học dạng lỏng sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	500.000
80	Mẫu nội kiểm huyết học 3 mức	Mẫu chuẩn cho máy huyết học 3 thành phần. Dùng để kiểm chứng xét nghiệm huyết học. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	ml	120
III. Gói thầu áp dụng hình thức đặt máy, mượn máy xét nghiệm nước tiểu				
81	Que xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Que xét nghiệm nước tiểu 11 thông số, dùng cho máy phân tích nước tiểu phù hợp kèm theo. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á.	Test	24.000
82	Hoá chất nội kiểm nước tiểu–Mức 1	Hoá chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm nước tiểu mức 1. Phù hợp với loại que xét nghiệm và máy phân tích đi kèm.	ml	70
83	Hoá chất nội kiểm nước tiểu–Mức 2	Hoá chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm nước tiểu mức 2. Phù hợp với loại que xét nghiệm và máy phân tích đi kèm.	ml	70
IV. Gói thầu áp dụng hình thức đặt máy, mượn máy xét nghiệm điện giải				
84	Bộ hóa chất xét nghiệm điện giải đồ Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻	Hóa chất xét nghiệm điện giải đồ 3 thông số, sử dụng cho máy phân tích tự động. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á. (Nhà thầu trúng thầu cung cấp hoá chất kiểm chuẩn tương ứng theo tần suất kiểm chứng xét nghiệm)	Test	15.000

*** Ghi chú:** Đối với các gói thầu áp dụng hình thức đặt máy, mượn máy; nhà thầu tự tính toán các chi phí phát sinh kèm theo trong quá trình thực hiện hợp đồng, bao gồm: hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm, linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế, bảo trì bảo dưỡng...